

Số: 1052/QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày 29 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND, ngày 26/3/2020 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 (đợt 1);

Xét Tờ trình số 27/TTr-NNPTNT ngày 12/6/2020 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và Báo cáo số 111/BC-TCKH ngày 19/6/2020 của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ. Cụ thể:

1. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ xây dựng 15 sản phẩm tham gia chương trình OCOP của huyện, trong đó có 10 sản phẩm tham gia chương trình OCOP tỉnh.
- Tổ chức Hội nghị tập huấn về ý tưởng kinh doanh, tư vấn cho các hộ dân, cơ sở, hợp tác xã phát triển OCOP, tuyên truyền về Chương trình OCOP.
- Thuê đơn vị tư vấn hướng dẫn các cơ sở triển khai chương trình OCOP năm 2020.
- Hỗ trợ các cá nhân, cơ sở, hợp tác xã (HTX) tham gia chu trình OCOP năm 2020.

2. Dự toán thực hiện: Tổng dự toán thẩm định: 731.000.000 đồng (Bảy trăm bảy ba mươi một triệu đồng). Trong đó:

- + Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020: 531.000.000 đồng.
- + Nguồn vốn đối ứng của cơ sở: 200.000.000 đồng.

Có bảng tổng hợp dự toán chi tiết kèm theo.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

4. Đơn vị thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành triển khai thực hiện theo dự toán được duyệt. Quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân, cơ sở, hợp tác xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VP, TCKH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Văn Thành

Biểu số 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1052/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện)

DVT: Đồng

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước hỗ trợ				Các cơ sở tham gia đối ứng	Ghi chú
			Tổng	Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	Hỗ trợ Các cơ sở tham gia OCOP		
1	Hội nghị tập huấn	34.100.000	34.100.000	34.100.000				
2	Công tác triển khai Ocop	261.250.000	261.250.000	33.150.000	228.100.000			
3	Chi hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở	435.650.000	235.650.000	76.650.000		159.000.000	200.000.000	
Tổng cộng (1 + 2 + 3)		731.000.000	531.000.000	143.900.000	228.100.000	159.000.000	200.000.000	

(Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi một triệu đồng chẵn)

Quản lý

**Biểu số 02: DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TẬP HUẤN VỀ Ý TƯỞNG KINH DOANH,
TƯ VẤN CHO CỘNG ĐỒNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 1052/QĐ-UBND ngày 29 / 6/2020 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số người	Số buổi	Đơn Giá	Thành tiền	Cơ quan thực hiện OCOP	Ghi chú
I	Chi phí cho báo cáo viên trình bày tại hội nghị					3.400.000	3.400.000	
1	Chi thù lao, chi bồi dưỡng cho giảng viên, báo cáo viên cấp tỉnh	người/buổi	1	2	1.000.000	2.000.000	2.000.000	
2	Hỗ trợ chi phí đi lại từ Pleiku- Đức cơ (ngược lại)	chuyến	2		600.000	1.200.000	1.200.000	
3	Phụ cấp lưu trú cho báo cáo viên (ngày đến trước và ngày báo cáo)	Người/ngày	1		200.000	200.000	200.000	
II	Chi phí cho học viên, đại biểu					28.000.000	28.000.000	
1	Photo tài liệu cho học viên, đại biểu;	Người	120		50.000	6.000.000	6.000.000	
2	Văn phòng phẩm (bút, bì nhựa, vở...)	bộ	120		20.000	2.400.000	2.400.000	
3	Hỗ trợ tiền ăn, xăng xe cho học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp (HTX, cơ sở sản xuất, chủ trang trại,...) tham dự hội nghị	Người/ngày	100	2	100.000	10.000.000	10.000.000	
4	Chi nước uống, giải khát giữa giờ	Người/buổi	120	2	40.000	9.600.000	9.600.000	
III	Chi phí cho Hội nghị					2.700.000	2.700.000	
1	Trang trí, khánh thiết (ma kết, thuê hội trường)	lần	1		1.000.000	1.000.000	1.000.000	
2	Băng rôn chào mừng Hội nghị	cái	1		500.000	500.000	500.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số người	Số buổi	Đơn Giá	Thành tiền	Cơ quan thực hiện OCOP	Ghi chú
3	Thuê quét dọn, vệ sinh phục vụ Hội nghị	Công	1	2	200.000	200.000	200.000	
4	Hoa tươi phục vụ Hội nghị	Giỏ (bình)	4		250.000	1.000.000	1.000.000	
Tổng cộng (I + II + III)						34.100.000	34.100.000	

gud

Biểu số 03: DỰ TOÁN KINH PHÍ CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM OCOP NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số: 1052 /QĐ-UBND ngày 29 / 6/2020 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
I	Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu các sản phẩm tham gia OCOP (trộn gói)	Kế hoạch	1	10	29.000.000	29.000.000		29.000.000	
II	Hỗ trợ tổ tư vấn triển khai kế hoạch, hoàn thiện hồ sơ 15 sản phẩm					122.800.000	0	122.800.000	
1	Tư vấn tuyên truyền chương trình OCOP (làm phóng sự, sổ tay tuyên truyền CT OCOP)					8.000.000		8.000.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	4	1.200.000	4.800.000		4.800.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	4	800.000	3.200.000		3.200.000	
2	Tư vấn các cơ sở lập KH kinh doanh, định hướng phát triển sản phẩm cho 15 sp. (Tư vấn trực tiếp tại cơ sở)					59.400.000		59.400.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	15	1.200.000	18.000.000		18.000.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	15	800.000	12.000.000		12.000.000	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2	1	3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2	1	600.000	1.200.000		1.200.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	2	21	200.000	8.400.000		8.400.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	2	21	300.000	12.600.000		12.600.000	
3	Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm, hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm OCOP đạt sao và hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm (tư vấn trực tiếp tại cơ sở)					55.400.000		55.400.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	15	1.200.000	18.000.000		18.000.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	15	800.000	12.000.000		12.000.000	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2	1	3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2	1	600.000	1.200.000		1.200.000	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	2	17	200.000	6.800.000		6.800.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	2	17	300.000	10.200.000		10.200.000	
III	Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm để thi OCOP tỉnh					80.050.000	20.650.000	59.400.000	
1	Đánh giá/phân hạng sản phẩm					78.050.000	18.650.000	59.400.000	
1.1	Công tác tổ chức					2.650.000	2.650.000		
-	Trang trí, khánh thiết	đợt	1		1.000.000	1.000.000	1.000.000		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Tài liệu	bộ	15		70.000	1.050.000	1.050.000		
-	Giải khát giữa giờ	Người/ ngày	15		40.000	600.000	600.000		
1.2	Kinh phí Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm					16.000.000	16.000.000		
-	Chủ tịch Hội đồng đánh giá sản phẩm	Người/ngày	1	4	1.000.000	4.000.000	4.000.000		
-	Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	4	800.000	3.200.000	3.200.000		
-	Thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm	Người/ngày	5	4	200.000	4.000.000	4.000.000		
-	Thư ký	Người/ngày	2	4	400.000	3.200.000	3.200.000		
-	Phục vụ hội đồng	công/ngày	2	4	200.000	1.600.000	1.600.000		
1.3	Hỗ trợ chuyên gia tư vấn tham gia Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp huyện	người	2			8.000.000	0	8.000.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	4	1.200.000	4.800.000		4.800.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	4	800.000	3.200.000		3.200.000	
1.4	Tư vấn lập hồ sơ đánh giá, hướng dẫn hoàn thiện HS các sản phẩm trước khi tham gia thi tỉnh					51.400.000	0	51.400.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	16	1.200.000	19.200.000		19.200.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	16	800.000	12.800.000		12.800.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2		3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2		600.000	1.200.000		1.200.000	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	1	22	200.000	4.400.000		4.400.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	1	22	300.000	6.600.000		6.600.000	
2	Vận chuyển sản phẩm, hồ sơ dự thi cấp tỉnh (thuê xe)	chuyến	1		2.000.000	2.000.000	2.000.000		
IV	Tổ chức Hội nghị tổng kết CT OCOP 2020					29.400.000	12.500.000	16.900.000	
1	Thuê tư vấn xây dựng hồ sơ tổng kết, tham gia Hội nghị Tổng kết					16.900.000		16.900.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	3	1.200.000	3.600.000		3.600.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	3	800.000	2.400.000		2.400.000	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2		3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2		600.000	1.200.000		1.200.000	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	1	5	200.000	1.000.000		1.000.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	1	5	300.000	1.500.000		1.500.000	
2	Công tác tổ chức					12.500.000	12.500.000		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Trang trí, khánh thiết (ma kết, thuê hội tr	đợt	1		1.000.000	1.000.000	1.000.000		
-	Tài liệu	bộ	60		40.000	2.400.000	2.400.000		
-	Giải khát giữa giờ	Người/ ngày	60		20.000	1.200.000	1.200.000		
-	Đại biểu (không hưởng lương ngân sách)	Ngày	40	1	100.000	4.000.000	4.000.000		
-	Hoa tươi tặng cho tập thể, cá nhân có sản phẩm đạt 03 đến 04 sao cấp huyện năm 2020	người	10		200.000	2.000.000	2.000.000		
-	Hoa tươi trang trí Hội nghị	Giò	4		250.000	1.000.000	1.000.000		
-	Thuê quét dọn, vệ sinh phục vụ Hội nghị	công	2		200.000	400.000	400.000		
-	Băng rôn	hội nghị	1		500.000	500.000	500.000		
Tổng cộng (I+II+III+IV):						261.250.000	33.150.000	228.100.000	

Biểu số 04: DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM THAM GIA CHU TRÌNH OCOP NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số: 1052/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số lần hỗ trợ	Định mức (Đơn Giá)	Thành tiền	Ngân sách nhà nước hỗ trợ		Vốn đối ứng các cơ sở	Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Hỗ trợ Các cơ sở tham gia OCOP		
I	Kinh phí chi hỗ trợ cho các sản phẩm tham gia Chu trình OCOP					359.000.000		159.000.000	200.000.000	
1	Hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm (tham gia các hội chợ, chợ phiên giới thiệu sản phẩm, giới thiệu sản phẩm tại các gian hàng trưng bày của các Chương trình giới thiệu đặc sản vùng miền...)					34.000.000		34.000.000	0	
-	Hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	Cơ sở	5	1	2.000.000	10.000.000		10.000.000		
-	Hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	Cơ sở	6	1	4.000.000	24.000.000		24.000.000		
2	Hỗ trợ đăng ký, thiết kế nhãn hiệu sản phẩm OCOP	sản phẩm	12			325.000.000		0	125.000.000	200.000.000
-	Chi phí thiết kế, đăng ký bảo hộ và phát triển giá trị nhãn hiệu, xây dựng Web	cơ sở	5		9.000.000	45.000.000		45.000.000	0	
-	In Tem, hỗ trợ in bao bì 3 vụ/chu kỳ sản xuất	Sản phẩm	8		4.000.000	32.000.000		32.000.000		
-	Hỗ trợ kiểm định, giám định sản phẩm	sản phẩm	8		5.000.000	40.000.000		40.000.000		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số lần hỗ trợ	Định mức (Đơn Giá)	Thành tiền	Ngân sách nhà nước hỗ trợ		Vốn đối ứng các cơ sở	Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Hỗ trợ Các cơ sở tham gia OCOP		
-	Hỗ trợ photo, in ấn tài liệu tham gia OCOP tỉnh	sản phẩm	8		1.000.000	8.000.000		8.000.000		
-	Chi mua bao bì sản phẩm	sản phẩm	8		5.000.000	40.000.000			40.000.000	
-	Viết câu chuyện sản phẩm, thiết kế, in tờ rơi, catalogo	sản phẩm	8		20.000.000	160.000.000			160.000.000	
II	Kinh phí chi cho công tác truyền thông, thông tin					53.000.000	53.000.000			
1	Phóng sự; đưa tin tuyên truyền về phát triển sản xuất các sản phẩm OCOP đạt sao năm 2019 trên báo, đài	Phóng sự	1	8	4.000.000	32.000.000	32.000.000			
2	Thiết kế, in sổ tay tuyên truyền, quang ba sản phẩm OCOP của huyện và chương trình OCOP	quyển	1.000		21.000	21.000.000	21.000.000			
III	Chi phí quản lý thực hiện dự án					23.650.000	23.650.000			
	Tổng					435.650.000	76.650.000	159.000.000	200.000.000	

Handwritten signature

Số: 111/BC-TCKH

Đức Cơ, ngày 19 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND, ngày 26/3/2020 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 (đợt 1);

Căn cứ Tờ trình số 27/TTr-NNPTNT ngày 12/6/2020 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt dự toán thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ.

Sau khi xem xét, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ như sau:

1- Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ xây dựng 15 sản phẩm tham gia chương trình OCOP của huyện, trong đó có 10 sản phẩm tham gia chương trình OCOP tỉnh.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn về ý tưởng kinh doanh, tư vấn cho các hộ dân, cơ sở, hợp tác xã phát triển OCOP, tuyên truyền về Chương trình OCOP.

- Thuê đơn vị tư vấn hướng dẫn các cơ sở triển khai chương trình OCOP năm 2020.

- Hỗ trợ các cá nhân, cơ sở, hợp tác xã (HTX) tham gia chu trình OCOP năm 2020.

2- Dự toán thực hiện: Tổng dự toán thẩm định: 731.000.000 đồng (Bảy trăm bảy ba mươi một triệu đồng). Trong đó:

+ Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020: 531.000.000 đồng.

+ Nguồn vốn đối ứng của cơ sở: 200.000.000 đồng.

Có bảng tổng hợp dự toán chi tiết kèm theo.

3- Thời gian thực hiện: Năm 2020.

4- Đơn vị thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5- Kết luận và kiến nghị.

- Hồ sơ đủ điều kiện để trình UBND huyện phê duyệt.

- Đề nghị Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đầy đủ các nội dung dự toán được duyệt và thanh toán, quyết toán theo số lượng thực tế theo quy định, trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi dự toán thì báo cáo

đề xuất UBND huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) xem xét, giải quyết.

Trên đây là kết quả thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch, kính trình UBND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH, THg, (03).

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Quang

Biểu số 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 111/BC-TCKH ngày 19/ 6/2020 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước hỗ trợ				Các cơ sở tham gia đối ứng	Ghi chú
			Tổng	Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	Hỗ trợ Các cơ sở tham gia OCOP		
1	Hội nghị tập huấn	34.100.000	34.100.000	34.100.000				
2	Công tác triển khai Ocop	261.250.000	261.250.000	33.150.000	228.100.000			
3	Chi hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở	435.650.000	235.650.000	76.650.000		159.000.000	200.000.000	
Tổng cộng (1 + 2 + 3)		731.000.000	531.000.000	143.900.000	228.100.000	159.000.000	200.000.000	

(Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi một triệu đồng chẵn)

ĐVT

**Biểu số 02: DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TẬP HUẤN VỀ Ý TƯỞNG KINH DOANH,
TƯ VẤN CHO CỘNG ĐỒNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP NĂM 2020**
(Kèm theo Báo cáo số: 111/BC-TCKH ngày 19/ 6/2020 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số người	Số buổi	Đơn Giá	Thành tiền	Cơ quan thực hiện OCOP	Ghi chú
I	Chi phí cho báo cáo viên trình bày tại hội nghị					3.400.000	3.400.000	
1	Chi thù lao, chi bồi dưỡng cho giảng viên, báo cáo viên cấp tỉnh	người/buổi	1	2	1.000.000	2.000.000	2.000.000	
2	Hỗ trợ chi phí đi lại từ Pleiku- Đức cơ (ngược lại)	chuyến	2		600.000	1.200.000	1.200.000	
3	Phụ cấp lưu trú cho báo cáo viên (ngày đến trước và ngày báo cáo)	Người/ ngày	1		200.000	200.000	200.000	
II	Chi phí cho học viên, đại biểu					28.000.000	28.000.000	
1	Photo tài liệu cho học viên, đại biểu;	Người	120		50.000	6.000.000	6.000.000	
2	Văn phòng phẩm (bút, bì nhựa, vở...)	bộ	120		20.000	2.400.000	2.400.000	
3	Hỗ trợ tiền ăn, xăng xe cho học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp (HTX, cơ sở sản xuất, chủ trang trại,...) tham dự hội nghị	Người/ngày	100	2	100.000	10.000.000	10.000.000	
4	Chi nước uống, giải khát giữa giờ	Người/buổi	120	2	40.000	9.600.000	9.600.000	
III	Chi phí cho Hội nghị					2.700.000	2.700.000	
1	Trang trí, khánh thiết (ma kết, thuê hội trường)	lần	1		1.000.000	1.000.000	1.000.000	
2	Băng rôn chào mừng Hội nghị	cái	1		500.000	500.000	500.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số người	Số buổi	Đơn Giá	Thành tiền	Cơ quan thực hiện OCOP	Ghi chú
3	Thuê quét dọn, vệ sinh phục vụ Hội nghị	Công	1	2	200.000	200.000	200.000	
4	Hoa tươi phục vụ Hội nghị	Giỏ (bình)	4		250.000	1.000.000	1.000.000	
Tổng cộng (I + II + III)						34.100.000	34.100.000	

2000

Biểu số 03: DỰ TOÁN KINH PHÍ CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM OCOP NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 111/BC-TCKH ngày 19/ 6/2020 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
I	Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu các sản phẩm tham gia OCOP (trộn gói)	Kế hoạch	1	10	29.000.000	29.000.000		29.000.000	
II	Hỗ trợ tổ tư vấn triển khai kế hoạch, hoàn thiện hồ sơ 15 sản phẩm					122.800.000	0	122.800.000	
1	Tư vấn tuyên truyền chương trình OCOP (làm phóng sự, sổ tay tuyên truyền CT OCOP)					8.000.000		8.000.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	4	1.200.000	4.800.000		4.800.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	4	800.000	3.200.000		3.200.000	
2	Tư vấn các cơ sở lập KH kinh doanh, định hướng phát triển sản phẩm cho 15 sp. (Trư vấn trực tiếp tại cơ sở)					59.400.000		59.400.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	15	1.200.000	18.000.000		18.000.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	15	800.000	12.000.000		12.000.000	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2	1	3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2	1	600.000	1.200.000		1.200.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	2	21	200.000	8.400.000		8.400.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	2	21	300.000	12.600.000		12.600.000	
3	Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm, hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm OCOP đạt sao và hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm (tư vấn trực tiếp tại cơ sở)					55.400.000		55.400.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	15	1.200.000	18.000.000		18.000.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	15	800.000	12.000.000		12.000.000	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2	1	3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2	1	600.000	1.200.000		1.200.000	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	2	17	200.000	6.800.000		6.800.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	2	17	300.000	10.200.000		10.200.000	
III	Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm để thi OCOP tỉnh					80.050.000	20.650.000	59.400.000	
1	Đánh giá/phân hạng sản phẩm					78.050.000	18.650.000	59.400.000	
1.1	Công tác tổ chức					2.650.000	2.650.000		
-	Trang trí, khánh thiết	đợt	1		1.000.000	1.000.000	1.000.000		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOF	Đơn vị tư vấn	
-	Tài liệu	bộ	15		70.000	1.050.000	1.050.000		
-	Giải khát giữa giờ	Người/ ngày	15		40.000	600.000	600.000		
1.2	Kinh phí Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm					16.000.000	16.000.000		
-	Chủ tịch Hội đồng đánh giá sản phẩm	Người/ngày	1	4	1.000.000	4.000.000	4.000.000		
-	Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	4	800.000	3.200.000	3.200.000		
-	Thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm	Người/ngày	5	4	200.000	4.000.000	4.000.000		
-	Thư ký	Người/ngày	2	4	400.000	3.200.000	3.200.000		
-	Phục vụ hội đồng	công/ngày	2	4	200.000	1.600.000	1.600.000		
1.3	Hỗ trợ chuyên gia tư vấn tham gia Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp huyện	người	2			8.000.000	0	8.000.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	4	1.200.000	4.800.000		4.800.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	4	800.000	3.200.000		3.200.000	
1.4	Tư vấn lập hồ sơ đánh giá, hướng dẫn hoàn thiện HS các sản phẩm trước khi tham gia thi tính					51.400.000	0	51.400.000	
-	Chuyên gia mức 2	Ngày	1	16	1.200.000	19.200.000		19.200.000	
-	Chuyên gia mức 3	Người/ngày	1	16	800.000	12.800.000		12.800.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2		3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2		600.000	1.200.000		1.200.000	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	1	22	200.000	4.400.000		4.400.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	1	22	300.000	6.600.000		6.600.000	
2	Vận chuyển sản phẩm, hồ sơ dự thi cấp tỉnh (thuế xe)	chuyến	1		2.000.000	2.000.000	2.000.000		
IV	Tổ chức Hội nghị tổng kết CT OCOP 2020					29.400.000	12.500.000	16.900.000	
1	Thuê tư vấn xây dựng hồ sơ tổng kết, tham gia Hội nghị Tổng kết					16.900.000		16.900.000	
-	Chuyến gia mức 2	Ngày	1	3	1.200.000	3.600.000		3.600.000	
-	Chuyến gia mức 3	Người/ngày	1	3	800.000	2.400.000		2.400.000	
-	Di chuyển Hà Nội - Pleiku (2 chiều)	lần	2		3.600.000	7.200.000		7.200.000	
-	Di chuyển Pleiku - Đức Cơ (2 chiều)	lần	2		600.000	1.200.000		1.200.000	
-	Phụ cấp lưu trú	ngày	1	5	200.000	1.000.000		1.000.000	
-	Thuê phòng nghỉ	Người/ngày	1	5	300.000	1.500.000		1.500.000	
2	Công tác tổ chức					12.500.000	12.500.000		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Đơn Giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Đơn vị tư vấn	
-	Trang trí, khánh thiết (ma kết, thuê hội tr	đợt	1		1.000.000	1.000.000	1.000.000		
-	Tài liệu	bộ	60		40.000	2.400.000	2.400.000		
-	Giải khát giữa giờ	Người/ ngày	60		20.000	1.200.000	1.200.000		
-	Đại biểu (không hưởng lương ngân sách)	Ngày	40	1	100.000	4.000.000	4.000.000		
-	Hoa tươi tặng cho tập thể, cá nhân có sản phẩm đạt 03 đến 04 sao cấp huyện năm 2020	người	10		200.000	2.000.000	2.000.000		
-	Hoa tươi trang trí Hội nghị	Giò	4		250.000	1.000.000	1.000.000		
-	Thuê quét dọn, vệ sinh phục vụ Hội nghị	công	2		200.000	400.000	400.000		
-	Băng rôn	hội nghị	1		500.000	500.000	500.000		
Tổng cộng (I+II+III+IV):						261.250.000	33.150.000	228.100.000	

Biểu số 04: DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM THAM GIA CHU TRÌNH OCOP NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 111/BC-TCKH ngày 19/ 6/2020 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số lần hỗ trợ	Định mức (Đơn Giá)	Thành tiền	Ngân sách nhà nước hỗ trợ		Vốn đối ứng các cơ sở	Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Hỗ trợ Các cơ sở tham gia OCOP		
I	Kinh phí chi hỗ trợ cho các sản phẩm tham gia Chu trình OCOP					359.000.000		159.000.000	200.000.000	
1	Hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm (tham gia các hội chợ, chợ phiên giới thiệu sản phẩm, giới thiệu sản phẩm tại các gian hàng trưng bày của các Chương trình giới thiệu đặc sản vùng miền...)					34.000.000		34.000.000	0	
-	Hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	Cơ sở	5	1	2.000.000	10.000.000		10.000.000		
-	Hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	Cơ sở	6	1	4.000.000	24.000.000		24.000.000		
2	Hỗ trợ đăng ký, thiết kế nhãn hiệu sản phẩm OCOP	sản phẩm	12			325.000.000	0	125.000.000	200.000.000	
-	Chi phí thiết kế, đăng ký bảo hộ và phát triển giá trị nhãn hiệu, xây dựng Web	cơ sở	5		9.000.000	45.000.000		45.000.000	0	
-	In Tem, hỗ trợ in bao bì 3 vù/chu kỳ sản xuất	Sản phẩm	8		4.000.000	32.000.000		32.000.000		
-	Hỗ trợ kiểm định, giám định sản phẩm	sản phẩm	8		5.000.000	40.000.000		40.000.000		
-	Hỗ trợ photo, in ấn tài liệu tham gia OCOP tỉnh	sản phẩm	8		1.000.000	8.000.000		8.000.000		
-	Chi mua bao bì sản phẩm	sản phẩm	8		5.000.000	40.000.000			40.000.000	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Số lần hỗ trợ	Định mức (Đơn Giá)	Thành tiền	Ngân sách nhà nước hỗ trợ		Vốn đối ứng các cơ sở	Ghi chú
							Cơ quan thực hiện OCOP	Hỗ trợ Các cơ sở tham gia OCOP		
-	Viết câu chuyện sản phẩm, thiết kế, in tờ rơi, catalogo	sản phẩm	8		20.000.000	160.000.000			160.000.000	
II	Kinh phí chi cho công tác truyền thông, thông tin					53.000.000	53.000.000			
1	Phóng sự; đưa tin tuyên truyền về phát triển sản xuất các sản phẩm OCOP đạt sao năm 2019 trên báo, đài	Phóng sự	1	8	4.000.000	32.000.000	32.000.000			
2	Thiết kế, In sổ tay tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP của huyện và chương trình OCOP	quyển	1.000		21.000	21.000.000	21.000.000			
III	Chi phí quản lý thực hiện dự án					23.650.000	23.650.000			
	Tổng					435.650.000	76.650.000	159.000.000	200.000.000	

Handwritten signature